

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/DS - ST

Ngày: 24 - 9 - 2025

V/v “*Tranh chấp về hui, họ, biểu, phường,
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (Địa chỉ: Cơ sở A, số A đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hui, họ, biểu, phường, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-DSST ngày 09/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-DS ngày 23/7/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 15/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1954

Địa chỉ: K L, tổ B phường P, quận S, TP . nay là phường A, TP ..

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Cao Thanh Phương T**

Địa chỉ: K L, tổ B phường P, quận S, TP . nay là phường A, TP .. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Thu H1**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: K đường T, tổ B, phường X, quận T, TP ., nay là phường T, TP .. (Vắng Mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/Ông **Trần Văn M**; Địa chỉ: K đường T, tổ B, phường X, quận T, TP ., nay là phường T, TP .. (Vắng Mặt).

2/Bà **Phan Thị H2**; Địa chỉ: Tổ I, Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng nay là xã H, TP .. (Vắng mặt)

3/ Ông **Nguyễn Hồng T1**, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ C, KP V, phường Đ, TP .. (Vắng mặt)
4/ Anh **Nguyễn Hồng M1**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Tổ C, KP V, phường Đ, TP . (Vắng mặt)
5/ Anh **Nguyễn Hồng C**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Tổ C, KP V, phường Đ, TP .. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có quan hệ quen biết buôn bán với nhau tại chợ H4, quận H nên vào khoảng ngày 20/8/2020 âm lịch nhằm ngày 6/10/2020 dương lịch, bà Huỳnh Thị Thu H1 có mời bà Nguyễn Thị H chơi biêu do bà H1 cầm cái, bà H1 có thông báo đây biêu sẽ có tổng cộng 17 người chơi, tên tuổi người chơi biêu do bà H1 chủ biêu nắm giữ, bà H không biết gì hết, chỉ biết bà H1 là người cầm cái. Bà H tham gia chơi 2 chân biêu, mỗi chân 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bà H đóng biêu đến tháng thứ 7 thì bà H1 bị bệnh nên chân biêu tự dừng cho đến nay. Tổng số tiền bà H đóng biêu 7 tháng x 6.000.000 đồng x 2 chân là 84.000.000 đồng (Tám mươi tư triệu đồng).

Ngoài ra, quá trình chơi biêu bà H có đóng 2 chân biêu chồng đẩy cho bà H1, để bà H1 chồng cho bà H2 (đang ở tại tổ I, thôn T, xã H, huyện H) và bà H3 (tôi được biết bà H3 đã chết). Tổng cộng 2 chân biêu chồng đẩy là 204.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng), số tiền 204.000.000đ tôi đưa trực tiếp cho bà H1, vì tin tưởng nhau nên không viết giấy tờ gì hết.

Đồng thời bà H1 có mượn của bà H số tiền 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng).

Nhiều lần bà H có đến nhà bà H1 yêu cầu bà H1 trả các số tiền nói trên, nhưng bà H1 không chịu trả.

Nay, để bảo vệ quyền lợi nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Thu H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền chơi biêu và tiền nợ 406.800.000 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm ngàn đồng); Trong đó: Hai chân biêu sống là 84.000.000 đồng (mỗi chân 42.000.000 đồng), 02 chân biêu chồng đẩy là 204.000.000 đồng (mỗi chân là 102.000.000 đồng), số tiền nợ 51.000.000 đồng, về tiền lãi do hoàn cảnh bà H1 hiện nay khó khăn nên nguyên đơn yêu cầu tính số tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến nay với mức lãi suất 10%/ năm là 67.800.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà H1 thanh toán số tiền 171.875.342 đồng; Trong đó: 02 chân biêu 84.000.000

đồng, nợ vay 51.000.000 đ và tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 24/9/2025 là 36.875.342 đồng.

Đối với hai chân biêu chồng đây 204.000.000 đồng, nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 trình bày như sau:*

Bà H1 xác nhận vào khoảng ngày 20/8/2020 âm lịch nhằm ngày 6/10/2020 dương lịch, bà có cầm cái một dây biêu, tổng số người chơi dây biêu là 16 người, mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), bà Nguyễn Thị H đóng 02 (hai) chân, tức mỗi tháng bà H đóng 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/02 chân biêu; dây biêu chơi được tháng thứ 7 thì bản thân ngã bệnh nên dây biêu bị dừng cho đến nay. Do vậy, bà H1 xác nhận có nợ tiền biêu của bà Nguyễn Thị H là 7 tháng biêu x 6.000.000 đồng x 02 chân biêu là 84.000.000 đồng (tám mươi tư triệu đồng).

Đối với số tiền mượn, bà H1 xác nhận có mượn bà H số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Tổng số tiền bà H1 còn nợ của bà H là 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền 135.000.000 đồng, đề nghị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi thì bà H1 đề nghị bà H miễn lãi, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà H1 vô cùng khó khăn.

Ngoài ra, bà H có yêu cầu bà H1 phải trả số tiền 204.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng) là biêu chồng đây, bà H1 trình bày không biết gì về số tiền 204.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng) nên không đồng ý trả.

Quá trình chơi biêu, một mình bà H1 biết không liên quan gì đến chồng bà là ông Trần Văn M nên bà H1 đề nghị Tòa án không đưa ông Trần Văn M vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

** Trong đơn trình bày gửi đến Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M có ý kiến:* Việc chơi biêu hụi là việc riêng cá nhân bà H1, ông không biết gì, ông là người không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ án. Vì vậy, đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

** Trong đơn trình bày gửi đến Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* ông Nguyễn Hồng T1 trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị H3, vợ ông là bà H3 đã chết vào năm 2019, bà H3 và ông có 02 con chung là Nguyễn Hồng C và Nguyễn Hồng M1, cha mẹ bà H3 đã chết trước bà H3. Việc Tòa án bổ sung ông và các con ông vào tham gia tố tụng thì ông không có ý kiến gì, liên quan đến việc chơi biêu của bà H3 thì ông và các con không biết gì hết, vì điều kiện ở xa ông xin vắng mặt tất cả các phiên tòa.

* Trong đơn trình bày gửi đến Tòa án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Nguyễn Hồng M1 và Nguyễn Hồng C là con chung của bà H3 và ông T1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông T1.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 171.875.342 đồng; Trong đó: 02 chân biểu 84.000.000 đồng, nợ vay 51.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 24/9/2025 là 36.875.342 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 204.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Thu H1 thanh toán tiền chơi biểu và tiền nợ. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Huỳnh Thị Thu H1 có nơi cư trú tại quận T, thành phố Đà Nẵng, nay là phường T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án ngày 11/3/2025 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đến thời điểm hiện nay, căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên.

[1.2] Về xác định người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị bổ sung ông Trần Văn M, bà Phan Thị H2, bà Huỳnh Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành bổ sung và tổng đạt các văn bản tố tụng cho các ông Trần Văn M, bà Phan Thị H2 theo quy định. Đối với bà Huỳnh Thị H3 qua kết quả xác minh thể hiện bà Huỳnh Thị H3 đã chết vào năm 2019 nên Tòa án bổ sung hàng thừa kế thứ nhất của bà H3 gồm các ông Nguyễn Hồng T1 là chồng bà H3, Nguyễn Hồng M1 và Nguyễn Hồng C là các con của bà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Huỳnh Thị Thu H1, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông (bà) Trần Văn M, bà Phan Thị H2, Nguyễn Hồng T1, Nguyễn Hồng M1 và Nguyễn Hồng C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền biếu chồng đây 204.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả số tiền biếu là 84.000.000 đồng và số tiền mượn 51.000.000 đồng, cùng với tiền lãi đến ngày xét xử. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền 204.000.000 đồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thì thấy:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền biếu 84.000.000 đồng và số tiền mượn 51.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 cũng xác nhận vào khoảng ngày 20/8/2020 âm lịch nhằm ngày 6/10/2020 dương lịch, bị đơn có cầm cái một dây biếu, tổng số người chơi biếu là 16 người chơi, mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), bà Nguyễn Thị H đóng 02 (hai) chân, tức mỗi tháng bà H đóng 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/02 chân biếu; dây biếu chơi được tháng thứ 7 thì dừng chơi. Do vậy, bà H1 thừa nhận có nợ tiền biếu của bà H là 7 tháng x 6.000.000 đồng x 02 chân = 84.000.000 đồng (tám mươi tư triệu đồng). Bà H1 cũng thừa nhận có nợ bà H số tiền 51.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận những tình tiết này là sự thật không phải chứng minh. Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 xác nhận có nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền đóng biếu 84.000.000 đồng và tiền mượn 51.000.000 đồng nhưng đề nghị trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, nguyên đơn không đồng ý và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối

với số tiền đóng biên 84.000.000 đồng và số tiền mượn 51.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 phải trả số tiền chơi biên 84.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, các Điều 18 và Điều 19 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ, và yêu cầu bị đơn trả số tiền mượn 51.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 357, 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên cần chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trên số tiền nợ bao gồm tiền nợ biên 84.000.000 đồng và tiền mượn 51.000.000 đồng với lãi suất 10%/ năm, cụ thể từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử 24/9/2025 là 997 ngày x 10%/ năm x 135.000.000 đồng = 36.875.342 đồng. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/1/2023, còn phía bị đơn thì xin giảm lãi, các bên đương sự đều xác nhận thời gian chơi biên và nợ tiền diễn ra trước thời điểm năm 2023 nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ thời điểm ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX xét thấy do bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền biên và tiền mượn nên việc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 21, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biên, phường, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bà Huỳnh Thị Thu H1 phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho Nguyễn Thị H tổng số tiền là 171.875.342 đồng; Trong đó nợ hai chân biểu 84.000.000 đồng, tiền mượn 51.000.000 đồng và tiền lãi 36.875.342 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Toà án buộc ông Trần Văn M là chồng bà H1 cùng chịu trách nhiệm liên đới với bà H1 để thanh toán số tiền chơi biêu cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận đây biêu do bà H1 làm chủ biêu, quá trình chơi biêu bà H khai tiền biêu bà H giao trực tiếp tiền mặt cho bà H1 tại chợ H4, không giao cho ông M, lời khai của bà H1 xác nhận việc làm chủ biêu là do một mình bà H1 thực hiện không liên quan gì đến chồng bà, ông M cũng trình bày ông M không biết gì về việc chơi biêu của bà H1. Ngoài ra nguyên đơn bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc bà H1 làm chủ đây biêu có liên quan đến ông M nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông M liên đới cùng bà H1 thanh toán tiền nợ biêu và tiền mượn cho nguyên đơn là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm $171.875.342đ \times 5\% = 8.593.767$ đồng bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 266, 273 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 471, 468, 466 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ;
- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 về việc “*Tranh chấp về hụi, họ, biếu, phường, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Thu H1 phải thanh toán cho Nguyễn Thị H số tiền 171.875.342 đồng (*Một trăm bảy mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng*); trong đó: số tiền nợ biếu 84.000.000 đồng, số tiền mượn 51.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 01/1/2023 đến ngày 24.9.2025 là 36.875.342 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H1 đối với số tiền 204.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Huỳnh Thị Thu H1 phải chịu 8.593.767 đồng (Tám triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình